

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

#### **3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:**

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được

---

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

**1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu, vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp:**

| TT    | Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng  |  |
|-------|---|---|--|
|       |   | Đạt   | Không đạt  |
| Cột 1 | Cột 2   | Cột 3   | Cột 4  |
| 1     | Đối với vật tư, vật liệu chính phần xây dựng gồm: Xi măng; đá dăm xây dựng; cát xây dựng; thép xây dựng; thép mạ kẽm.   | Vật tư, vật liệu chào thầu đáp ứng đầy đủ thông số kỹ thuật, yêu cầu thông số kỹ thuật vật liệu, vật tư nhà thầu cung cấp nêu tại Mục VI.4 chương V, phần 2 Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT     | Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng yêu cầu, kể cả sau khi được yêu cầu làm rõ, bổ sung  |
| 2     | Đối với vật tư, thiết bị điện chính (hàng hóa) gồm:<br>- Cột BTLT;<br>- Cách điện đỡ 22kV;<br>- Cách điện treo 22kV;<br>- Giáp nú;<br>- Kẹp đầu rẽ trung áp;<br>- Chóng sét van;<br>- Cầu chì tự rơi;<br>- Áptomát các loại;<br>- Cáp hạ lực thế các loại;<br>- Cụm đầu rẽ trung áp;<br>- Kẹp răng trung, hạ áp | Có đề xuất đáp ứng các yêu cầu tại các điểm a, b, c dưới đây  | Không đề xuất hoặc đề xuất nhưng không đáp ứng, kể cả sau khi được yêu cầu làm rõ, bổ sung một trong các yêu cầu tại các điểm a, b, c dưới đây.  |
| a     | Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa  | - Hàng hóa chào thầu đáp ứng đầy đủ các thông số kỹ thuật tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Mục VI.4 chương V, phần 2: Yêu cầu thông số kỹ thuật, có tài liệu chứng minh tính đáp ứng. | - Không chào Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu tại Mục VI.4 chương V, phần 2 Yêu cầu kỹ thuật -Yêu cầu thông số kỹ thuật VTTB, hoặc<br>- Một trong các thông số kỹ thuật không đáp ứng theo yêu cầu tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Mục VI.4 chương V, phần 2- Yêu cầu thông số kỹ thuật VTTB, hoặc<br>- Một số thông số kỹ thuật chào thiếu sau khi |

| <i>TT</i>    | <i>Nội dung yêu cầu</i>  | <i>Mức độ đáp ứng</i>  |  |
|--------------|--|--|--|
|              |  | <i>Đạt</i>   | <i>Không đạt</i>   |
| <i>Cột 1</i> | <i>Cột 2</i>   | <i>Cột 3</i>   | <i>Cột 4</i>   |
|              |  |  | <p>đã được làm rõ bổ sung nhưng nhà thầu không bổ sung hoặc sau khi làm rõ nhưng không đáp ứng, hoặc</p> <p>- Không có tài liệu chứng minh tính đáp ứng sau khi đã được yêu cầu làm rõ.</p>  |
| <i>b</i>     | <i>Biên bản thử nghiệm</i>   | <p>Có biên bản thử nghiệm đáp ứng quy định tại mục VI.4 chương V, phần 2-Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB cho hàng hóa có cùng chủng loại, nhà sản xuất với hàng hóa chào thầu được yêu cầu tại mục VI.4 chương V, phần 2-Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa và có đầy đủ các hạng mục thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục VI.4 chương V, phần 2-Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB.</p> | <p>Biên bản thử nghiệm không đáp ứng quy định tại mục VI.4 chương V, phần 2-Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ, hoặc;</p> <p>Không có biên bản thử nghiệm được nêu tại mục VI.4 chương V, phần 2-Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa hoặc có nhưng có hạng mục thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục VI.4 chương V, phần 2-Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.</p> |
| <i>c</i>     | <p><i>Xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng</i><br/>(<i>chỉ chấp nhận các văn bản xác nhận trong vòng 36 tháng tính đến tháng đăng tải thông báo mời thầu</i>)</p> | <p>- Có ít nhất 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá có cùng chủng loại, nhà sản xuất, nước sản xuất với hàng hoá chào thầu được yêu cầu tại Chương V, mục VI.3 - Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa đã vận</p>  | <p>Có ít hơn 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau đáp ứng theo yêu cầu sau khi</p>  |

| <i>TT</i>              | <i>Nội dung yêu cầu</i> | <i>Mức độ đáp ứng</i>   |  |
|------------------------|-------------------------|---|--|
|                        |                         | <i>Đạt</i>  | <i>Không đạt</i>   |
| <i>Cột 1</i>           | <i>Cột 2</i>            | <i>Cột 3</i>  | <i>Cột 4</i>   |
|                        |                         | <p><i>hành ổn định, đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 24 tháng.</i></p> <p><i>Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều 10 của NĐ214/2025/NĐ-CP thì nhà thầu phải cung cấp ít nhất 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá do bên chuyển giao công nghệ sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu 24 tháng.</i></p> | <p><i>đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.</i></p> <p><i>Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều 10 của NĐ214/2025/NĐ-CP nhưng nhà thầu cung cấp ít hơn 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá do bên chuyển giao công nghệ sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu 24 tháng.</i></p> |
| <b><i>Kết luận</i></b> |                         | <i>Tất cả các nội dung được đánh giá là đạt.</i>  | <b><i>Đạt</i></b>  |
|                        |                         | <i>Có 01 nội dung được xác định là không đạt.</i>   | <b><i>Không đạt</i></b>  |

## **2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công:**

*(Nội dung yêu cầu căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể)*

| <i>Nội dung yêu cầu</i>   | <i>Mức độ đáp ứng</i>  | <i>Đánh giá</i>         |
|---|--|-------------------------|
| <p><b>2.1. Công tác chuẩn bị thi công</b></p> <p><i>a. Có sơ đồ tổ chức thi công, thành lập ban chỉ huy công trường, có đầy đủ các chức danh, nêu rõ nhiệm vụ và quyền hạn của ban chỉ huy công trường.</i></p> <p><i>b. Có đề xuất phương án tổ chức thi công cho từng hạng mục công trình theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế nêu tại mục VII.2, Chương V E-HSMT.</i></p> | <p><i>Có đề xuất hợp lý, đầy đủ cả 2 nội dung a, b.</i></p>                                      | <b><i>Đạt</i></b>       |
|   | <p><i>Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không đầy đủ cả 2 nội dung a, b.</i></p> | <b><i>Không đạt</i></b> |

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>  | <b>Đánh giá</b>  |
|--|--|------------------|
| <p>2.2. Biện pháp thi công chi tiết cho từng hạng mục:</p> <p>Mô tả biện pháp thi công cụ thể như sau: công tác giao nhận mặt bằng; công tác đào đất móng cột, rãnh tiếp địa; công tác ván khuôn; công tác cốt thép; công tác bê tông; công tác dựng cột; đóng tiếp địa; công tác lắp xà, sừ, phụ kiện; công tác rải căng dây lấy độ võng; công tác lắp đặt máy biến áp; công tác thu hồi VTTB cũ sau cải tạo (như: dây dẫn, xà,...); công tác hoàn thiện và công tác nghiệm thu; ... {liệt kê các công tác chi tiết cho từng hạng mục của gói thầu} <b>theo yêu cầu tại khoản 13 mục VII.1 và mục VII.3, Chương V E-HSMT.</b></p> | <p>Có đề xuất hợp lý, khả thi đáp ứng các yêu cầu</p>                                    | Đạt              |
|  | <p>Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi.</p> | Không đạt        |
| <p>2.3. Phương án cắt điện thi công, phương án thi công các hạng mục có giao chéo cần cắt điện:</p> <p>Có trình bày phương án cắt điện để thi công, phương án thi công các hạng mục có giao chéo cần cắt điện phù hợp với yêu cầu của các hạng mục công trình và đảm bảo thời gian cắt điện tối ưu theo yêu cầu tại mục VII.4, Chương V E-HSMT</p>   | <p>Có đề xuất hợp lý và phù hợp.</p>   | Đạt              |
|  | <p>Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi.</p> | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>  | <p>Tất cả các nội dung được đánh giá là đạt.</p>   | <b>Đạt</b>       |
|  | <p>Có 01 nội dung được xác định là không đạt.</p>  | <b>Không đạt</b> |

### 3. Tiến độ thi công:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>   | <b>Đánh giá</b> |
|--|---|-----------------|
| <p>3.1. Thời gian thi công:</p> <p>Đảm bảo thời gian thi công không quá 150 ngày kể từ ngày khởi công</p>                        | <p>Có đề xuất đáp ứng yêu cầu.</p>  | Đạt             |
|  | <p>Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đáp ứng yêu cầu.</p>                       | Không đạt       |
| <p>3.2. Tính phù hợp:</p> <p>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.<br/>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công.</p> | <p>Có đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).</p>                   | Đạt             |
|  | <p>Có đề xuất không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).</p> | Không đạt       |

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  | <b>Đánh giá</b>  |
|---|--|------------------|
| 3.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Có đề xuất hợp lý, khả thi, phù hợp và đáp ứng yêu cầu                         | Đạt              |
|   | Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>   | Tất cả các nội dung được đánh giá là đạt.                                      | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 01 nội dung được xác định là không đạt.                                     | <b>Không đạt</b> |

#### **4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   | <b>Đánh giá</b>  |
|---|---|------------------|
| 4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công: có hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng công trình; hệ thống quản lý chất lượng phải phù hợp qui mô công trình trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình; có biện pháp quản lý hồ sơ chất lượng công trình phù hợp với đề xuất biện pháp tổ chức thi công | Có đề xuất đáp ứng yêu cầu  | Đạt              |
|   | Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp | Không đạt        |
| 4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình: Có đề xuất hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất biện pháp tổ chức thi công  | Có đề xuất đáp ứng yêu cầu  | Đạt              |
|   | Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>   | Tất cả các nội dung được đánh giá là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 01 nội dung được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

#### **5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  | <b>Đánh giá</b> |
|---|--|-----------------|
| <b>5.1. An toàn lao động</b>  |  |                 |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có đề xuất đáp ứng yêu cầu   | Đạt             |
|   | Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp | Không đạt       |

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   | <b>Đánh giá</b>  |
|---|---|------------------|
| <b>5.2. Phòng cháy chữa cháy</b>  |   |                  |
| <i>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và tuân thủ quy định pháp luật về PCCC</i>                            | <i>Có đề xuất đáp ứng yêu cầu</i>   | <b>Đạt</b>       |
|   | <i>Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp</i> | <b>Không đạt</b> |
| <b>5.3. Vệ sinh môi trường</b>  |   |                  |
| <i>Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường</i> | <i>Có đề xuất đáp ứng yêu cầu</i>   | <b>Đạt</b>       |
|   | <i>Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp</i> | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | <i>Tất cả các nội dung được đánh giá là đạt.</i>                                      | <b>Đạt</b>       |
|   | <i>Có 01 nội dung được xác định là không đạt.</i>                                     | <b>Không đạt</b> |

#### **6. Bảo hành và uy tín nhà thầu:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  | <b>Đánh giá</b>  |
|---|--|------------------|
| <b>6.1. Bảo hành</b>  |  |                  |
| <i>Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng</i>   | <i>Có đề xuất đáp ứng yêu cầu</i>  | <b>Đạt</b>       |
|   | <i>Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng hoặc không đề xuất.</i>  | <b>Không đạt</b> |
| <b>6.2. Kết quả thực hiện các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC với EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC (Danh sách các đơn vị thành viên theo Điều lệ của EVNCPC tại thời điểm đánh giá hợp đồng):</b>           |  |                  |
| <i>a. Đối với các hợp đồng đã đăng tải thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025:</i> | <i>Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hoặc có ít hơn 03 hợp đồng bị đánh giá không đạt tiến độ hoặc chất lượng hàng hóa không đảm bảo, do EVNCPC hoặc/và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tối thiểu sau 20 ngày kể từ ngày đăng tải.</i> | <b>Đạt</b>       |

| <i>Nội dung yêu cầu</i>   | <i>Mức độ đáp ứng</i>  | <i>Đánh giá</i>  |
|---|--|------------------|
|   | <i>Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, nhà thầu có từ 03 hợp đồng trở lên bị đánh giá không đạt tiến độ hoặc chất lượng hàng hóa không đảm bảo do EVNCPC hoặc/và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tối thiểu sau 20 ngày kể từ ngày đăng tải.</i>    | <i>Không đạt</i> |
| <i>b. Đối với các hợp đồng thực hiện theo Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014:</i> | <i>Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hoặc có ít hơn 03 hợp đồng bị EVNCPC hoặc/và các đơn vị thành viên EVNCPC thông báo bằng văn bản không đạt tiến độ hoặc chất lượng hàng hóa không đảm bảo (kèm biên bản làm việc với nhà thầu hoặc báo cáo của tư vấn giám sát).</i> | <i>Đạt</i>       |
|   | <i>Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, nhà thầu có từ 03 hợp đồng trở lên bị EVNCPC hoặc/và các đơn vị thành viên EVNCPC thông báo bằng văn bản không đạt tiến độ hoặc chất lượng hàng hóa không đảm bảo (kèm biên bản làm việc với nhà thầu hoặc báo cáo của tư vấn giám sát).</i>           | <i>Không đạt</i> |
| <i>Kết luận</i>   | <i>Tất cả các nội dung được đánh giá là đạt.</i>   | <i>Đạt</i>       |
|   | <i>Có 01 nội dung được xác định là không đạt.</i>  | <i>Không đạt</i> |

**7. Tuân thủ quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  | <b>Đánh giá</b>  |
|---|--|------------------|
| <p>Nhà thầu tuân thủ quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ:</p> <p>a) Có cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư cấp cho công trình</p> <p>b) Có cam kết miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư cấp cho công trình.</p> | Có các cam kết đáp ứng theo yêu cầu  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng yêu cầu, kể cả sau khi bổ sung làm rõ | <b>Không đạt</b> |

*E-HSDT* được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp *E-HSDT* không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

*E-HSDT* của nhà thầu được đánh giá là đạt ở bước đánh giá về kỹ thuật thì sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá về tài chính.